

Số: 74/2019/QĐST-HNGĐ

Mang Thít, ngày 03 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 103/2019/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2019, giữa:

* **Nguyên đơn:** Bà **Phạm Thị Hồng T1**, sinh năm 1964

Địa chỉ: ấp LH1, xã LM, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

* **Bị đơn:** Ông **Nguyễn Văn T2**, sinh năm: 1959

Địa chỉ: ấp LH1, xã LM, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 4 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng T1 và bị đơn ông Nguyễn Văn T2.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Phạm T3, sinh ngày 03/9/1996 và Nguyễn Phạm T4, sinh ngày 08/10/1991; hiện nay các con chung đã trưởng thành và tự lo được cho bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung phải thu – phải trả: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng T1 phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng)

được khấu trừ từ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà T1 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện MT, theo lai thu số N^o 0006957 ngày 08 tháng 4 năm 2018. Còn lại 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) hoàn trả lại cho bà T1.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện MT;
- Phòng KTNV&THA - TAT;
- Chi cục THA.DS huyện MT;
- UBND Phường X, TXVL (1989);
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Võ Thị Tám